

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VÂN CANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 180/QĐ-UBND

Vân Canh, ngày 30 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi  
ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2018**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 về quyết toán ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - KH huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2018 (*Chi tiết biểu mẫu đính kèm*).

**Điều 2.** Giao Phòng Tài chính – KH phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm năm 2018 theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn Phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - KH huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT;
- Lưu VT, TC.



**CHỦ TỊCH**

Trần Kim Vũ

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	44.000	76.689,694	174,29
I	Thu cân đối ngân sách nhà nước	44.000	31.547,754	71,70
1	Thu nội địa	44.000	31.547,754	71,70
2	Thu viện trợ	-	-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	32.400,635	-
III	Tạm thu ngân sách	-	12.741,305	-
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	210.079	98.374,747	46,83
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	183.826	80.426,966	43,75
1	Chi đầu tư phát triển	43.573	17.479,752	40,12
2	Chi thường xuyên	137.508	62.947,214	45,78
3	Chi dự phòng ngân sách	2.745	-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	26.253	13.202,670	50,29





**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số: 110/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018)

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1*100
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	44.000	31.252,235	71,03
I	Thu nội địa	44.000	31.252,235	71,03
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp NN quốc doanh		7,402	
-	Thuế giá trị gia tăng		3,701	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		3,701	
-	Thuế tài nguyên			
-	Thu khác			
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	35.900	26.337,578	73,36
-	Thuế giá trị gia tăng	34.430	26.145,673	75,94
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	900	121,463	13,50
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	50	-	-
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra nước ngoài</i>			
-	Thuế tài nguyên	520	70,442	13,55
-	Thu khác			
3	Lệ phí trước bạ	1.920	706,537	36,80
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
5	Thuế nhà đất, thuế đất phi nông nghiệp			
6	Thuế thu nhập cá nhân	1.000	443,224	44,32
7	Thu phí, lệ phí	480	287,794	59,96
8	Thu tiền sử dụng đất	1.500	2.006,545	133,77
9	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.500	457,357	30,49
10	Thu tại xã	300	12,009	4,00
11	Thu khác ngân sách	1.400	993,789	70,98
II	Thu viện trợ			
B	Các khoản huy động, đóng góp		810,000	
C	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	127.088	102.837,460	80,92
-	Bổ sung cân đối	110.625	60.039	54,27
-	Bổ sung có mục tiêu	16.463	42.798,460	259,97
D	Thu chuyển nguồn		32.400,635	
E	Tạm thu ngân sách		12.741,305	



**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**  
(Kèm theo Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1*100
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (A+B+C+D)</b>	<b>208.220,407</b>	<b>98.374,747</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>181.967,407</b>	<b>80.426,966</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>53.135,407</b>	<b>17.479,752</b>	32,9
1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp	10.250		
2	Nguồn sử dụng đất	1.000		
3	Các nguồn kinh phí không giao trong DT đầu năm	41.885,407		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>126.087</b>	<b>62.947,214</b>	49,9
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi quốc phòng	700	490	70,0
2	Chi an ninh	660	590	89,4
3	Chi GD-ĐT và dạy nghề	89.229	38.309,220	42,9
4	Chi khoa học và công nghệ	160	2.150	1,3
5	Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin	1.025	254,216	24,8
6	Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	1.047	559,867	53,5
7	Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	280	167,898	60,0
8	Chi đảm bảo xã hội	600	3.554,710	592,5
9	Chi sự nghiệp kinh tế	3.655	2.226,429	60,9
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	27.502	16.310,859	59,3
11	Chi khác ngân sách	957	457,789	47,8
12	Chi bảo vệ môi trường	272	24,076	8,9
14	Chi từ nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	9.322.000.000		
15	Chi từ nguồn chuyển nguồn			
16	Chi các nhiệm vụ khác từ nguồn tăng thu phân đầu theo NQ HĐND huyện	500.000.000		
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>2.745</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>			
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>	<b>26.253</b>	<b>13.202,670</b>	50,3
1	Bổ sung cân đối		10.039	
2	Bổ sung có mục tiêu		3.163,670	
<b>C</b>	<b>CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>1,260</b>	
<b>D</b>	<b>TẠM CHI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>		<b>4.743,851</b>	